

Số: 999 /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 16 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được thay thế trong  
lĩnh vực phòng, chống tham nhũng thuộc Ngành Thanh tra  
áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 25/TTr-TTr ngày 01 tháng 4 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng thuộc Ngành Thanh tra áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Công Dịch vụ công tỉnh Kiên Giang;
- LĐVP; CVNC; TTPVHCC;
- Lưu: VT, ntlanh.



KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH  
Nguyễn Đức Chín

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG THUỘC NGÀNH THANH TRA ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 999 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

| TT | Tên thủ tục hành chính được thay thế   | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí (nếu có) | Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế  |
|----|--|---------------------------------|---|--|----------------------|--|
| 1  | Thực hiện kê khai tài sản, thu nhập<br>Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập | Kê khai tài sản, thu nhập       | <p>1. Thời điểm hoàn thành kê khai lần đầu:</p> <p>- Người đang giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật Phòng, chống tham nhũng phải hoàn thành việc kê khai trước ngày 31/3/2021 (theo hướng dẫn tại Công văn số 252/TTCP-C.IV ngày 19/02/2021 của Thanh tra Chính phủ).</p> <p>- Người lần đầu giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng phải hoàn thành việc kê khai chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bổ trí vào vị trí công tác.</p> | Cơ quan nhà nước các cấp; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước; các doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện tổ chức triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập. | Không                | <p>- Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20 tháng 11 năm 2018;</p> <p>- Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.</p> |



| TT | Tên thủ tục hành chính được thay thế | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế |
|----|--------------------------------------|---------------------------------|---|--------------------|----------------------|---------------------------------------|
|    |                                      |                                 | <p>2. Thời điểm hoàn thành việc kê khai bổ sung:</p> <p>Khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 của năm có biến động về tài sản, thu nhập.</p> <p>3. Thời điểm hoàn thành việc kê khai hàng năm:</p> <p>Người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên; người làm công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác theo quy định của Chính phủ phải hoàn thành việc kê khai trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.</p> <p>4. Thời điểm hoàn thành việc kê khai phục vụ công</p> |                    |                      |                                       |



| TT | Tên thủ tục hành chính được thay thế | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí (nếu có) | Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế   |
|----|--------------------------------------|---------------------------------|---|---|----------------------|---|
|    |                                      |                                 | <p>tác cán bộ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật Phòng, chống tham nhũng khi dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác phải hoàn thành kê khai chậm nhất là 10 ngày trước ngày dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác;</li> <li>- Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại khoản 4 Điều 34 của Luật Phòng, chống tham nhũng việc kê khai được thực hiện theo quy định của pháp luật về bầu cử.</li> </ul> |   |                      |   |
| 2  | Xác minh tài sản, thu nhập           | Xác minh tài sản, thu nhập      | Không quá 115 ngày (trong đó thời hạn xác minh là 45 ngày, trường hợp phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 90 ngày; thời hạn ban hành kết luận là 10 ngày, trường hợp phức tạp có thể kéo dài nhưng   | Cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập được quy định tại Điều 30 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018. | Không                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20 tháng 11 năm 2018;</li> <li>- Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về kiểm soát tài</li> </ul> |



| TT | Tên thủ tục hành chính được thay thế | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện                         | Phí, lệ phí (nếu có) | Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế  |
|----|--------------------------------------|---------------------------------|--|--|----------------------|--|
|    |                                      |                                 | không quá 20 ngày; thời hạn công khai kết luận là 05 ngày làm việc).   |  |                      | sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.  |
| 3  | Tiếp nhận yêu cầu giải trình         | Tiếp nhận yêu cầu giải trình    | Thời hạn ra thông báo tiếp nhận hoặc từ chối giải trình là 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu giải trình.   | Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước. | Không                | - Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20 tháng 11 năm 2018;<br>- Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng. |
| 4  | Thực hiện việc giải trình            | Thực hiện việc giải trình       | Thời hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình. Trường hợp có nội dung phức tạp thì có thể gia hạn 01 lần, thời gian gia hạn không quá 15 ngày và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải trình. | Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước. | Không                | - Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20 tháng 11 năm 2018;<br>- Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng. |